

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/04/2022

Về tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Chiều

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Sơn

- Ông Nguyễn Văn Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 801/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về "*tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXX - ST ngày 15 tháng 03 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị P.T.T.H, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Số 495, đường Nguyễn Khoái, phường T.T, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh N.Đ.M, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Số 22, ngõ 55, phố Thanh Lâm, tổ 14, phường T.T, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị P.T.T.H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N.Đ.M kết hôn ngày 12/7/2013, đăng ký tại UBND phường T.T, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Việc kết hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách. Đặc biệt, anh M không có công việc ổn định, ham chơi, không quan tâm vun vén cho hạnh phúc gia đình. Chị và anh M đến nay đã sống ly thân nhiều năm. Khi ly thân chị H về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại: số 495, đường Nguyễn Khoái, phường T.T, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, còn anh M thì về sinh sống với bố mẹ đẻ tại: số 22, ngõ 55, phố Thanh Lâm, tổ 14, phường T.T, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng với anh M không còn, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn. Vì vậy, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh M.

- Về con chung: Chị và anh N.Đ.M có 02 con chung, tên là Nguyễn M Anh, sinh ngày 05/08/2013 và Nguyễn Đức Anh, sinh ngày 11/03/2015. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung; việc cấp dưỡng, chị không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nhà đất ở chung và khoản nợ chung: Chị khẳng định chị và M không có, chị không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn anh N.Đ.M: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, đã gửi thông báo thụ lý vụ án và rất nhiều lần báo anh M đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng anh M không đến. Do đó, Tòa án không ghi được ý kiến của anh M.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Chị P.T.T.H tiếp tục khẳng định, tình cảm vợ chồng không còn, sống với anh N.Đ.M không có hạnh phúc. Đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm. Chị cương quyết yêu cầu được ly hôn anh M. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; việc cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu anh M đóng góp, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nhà đất ở chung và khoản nợ chung: Chị H khẳng định chị và anh M không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội thụ lý Đơn ly hôn của chị P.T.T.H đối với anh N.Đ.M là đúng thẩm quyền, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự tố tụng quy định tại các Điều 195, 196 và 197 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Cụ thể, không đến theo giấy báo của Tòa án, không trình bày quan điểm... Đó là sự khó khăn của Tòa án, dẫn đến thời hạn giải quyết vụ án bị kéo dài. Tại phiên tòa đầu tiên, bị đơn vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt, nên Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiếp tục xét xử là đúng quy định.

Kiểm sát viên đề nghị về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, yêu cầu của đương sự, phân tích căn cứ pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

chị Hạnh, xử cho chị H được ly hôn anh M; giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng đối với anh M cho đến khi có yêu cầu; về chia tài sản chung, khoản nợ chung: Không có, nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị P.T.T.H có Đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với anh N.Đ.M cư trú tại: số 22, ngõ 55, phố Thanh Lâm, tổ 14, phường T.T, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn anh M đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng không có ý kiến và cũng không đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Để đảm bảo thời hạn xét xử và quyền lợi chính đáng của đương sự, Tòa án cần mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P.T.T.H và anh N.Đ.M kết hôn do tự nguyện, trên cơ sở có tình hiểu và yêu nhau. Ngày 12/7/2013, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T.T, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân nhiều năm.

Anh M đã nhiều lần được Tòa án gửi giấy báo đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng không đến. Tòa án đã xác M thu thập tài liệu chứng cứ qua Tổ dân phố và bố mẹ của chị H và anh M. Kết quả xác M gia đình anh M và gia đình

chị H cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Vì anh chị sống chung không có hạnh phúc.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H yêu cầu được ly hôn đối với anh M, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cần chấp nhận cho chị H được ly hôn anh M.

Về con chung: Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định chị H và anh M có 02 con chung, tên là Nguyễn M Anh, sinh ngày 05/08/2013 và Nguyễn Đức Anh, sinh ngày 11/03/2015. Xét, chị H đang làm tại Công ty cổ phần Sao Kỳ Lân, thu nhập bình quân trên 13 triệu đồng mỗi tháng; có chỗ ở ổn định. Mặt khác, từ anh chị sống ly thân đến nay cả 02 con chung đều do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, khi anh chị ly hôn cần tiếp tục giao cả 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật; đảm bảo điều kiện tốt nhất để con chung phát triển cả về thể chất cũng như tinh thần. Về cấp dưỡng nuôi con chung, do chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh M cho đến khi có yêu cầu.

Về tài sản chung, nhà đất chung và nợ chung: Chị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị P.T.T.H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh N.Đ.M không phải chịu.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều

147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P.T.T.H. Chị P.T.T.H được ly hôn anh N.Đ.M.

2. Về con chung: Xác nhận chị P.T.T.H và anh N.Đ.M có 02 con chung là Nguyễn M Anh, sinh ngày 05/08/2013 và Nguyễn Đức Anh, sinh ngày 11/03/2015. Giao 02 con chung cho chị P.T.T.H trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh N.Đ.M cho đến khi có yêu cầu.

Anh N.Đ.M có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nhà đất ở chung và khoản nợ chung: Chị P.T.T.H và anh N.Đ.M không có. Tòa không xét.

4. Về án phí: Chị P.T.T.H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2018/0006114 ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Chị P.T.T.H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: chị P.T.T.H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh N.Đ.M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
 - VKSND quận Hoàng Mai;
 - Chi cục THA dân sự quận Hoàng Mai;
 - UBND phường T.T, quận Hoàng Mai
- (để ghi vào sổ hộ tịch: GCNKH số 63/2013, quyển 01/2013);
- Dương sự;
 - Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang Chiêu